

Số: 19 /NQ-HĐND

Long Hoa, ngày 6 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước phường Long Hoa năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN PHƯỜNG LONG HOA
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH15;
Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ chính quyền địa phương;
Căn cứ Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 – 2028;
Căn cứ Quyết định số 9999/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của tỉnh Tây Ninh sau sắp xếp;
Xét Tờ trình số 4293/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Long Hoa về việc ban hành Nghị quyết về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước phường Long Hoa năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 34/BC-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân phường và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân phường tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất dự toán thu, chi ngân sách nhà nước phường Long Hoa năm 2026, như sau:

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường:** 191.203 triệu đồng
- Tổng thu ngân sách địa phương:** 484.003 triệu đồng. Trong đó:
 - Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 183.327 triệu đồng, gồm:
 - Thu NSDP hưởng 100%: 79.132 triệu đồng.
 - Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia: 104.195 triệu đồng.
 - Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 300.676 triệu đồng, gồm:
 - Thu bổ sung cân đối ngân sách: 261.845 triệu đồng.
 - Thu bổ sung chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 38.831 triệu đồng.
- Tổng chi ngân sách địa phương:** 484.003 triệu đồng. Trong đó:
 - Chi cân đối ngân sách: 445.172 triệu đồng.

- Chi đầu tư phát triển: 29.515 triệu đồng.
 - Chi thường xuyên: 404.528 triệu đồng.
 - Dự phòng ngân sách: 11.129 triệu đồng.
- b) Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ: 38.831 triệu đồng.
(Chi tiết kèm Biểu số 01, 02, 03)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân phường tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm về số liệu, đồng thời thực hiện giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân phường, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân phường giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường và các tổ chức chính trị - xã hội phường tham gia tuyên truyền và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân phường Long Hoa khóa I, kỳ họp thứ 4 (kỳ họp thường lệ cuối năm 2025) thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- TT.HĐND phường;
- UBND phường;
- UB.MTTQVN phường;
- Đại biểu HĐND phường;
- Các cơ quan, đơn vị phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu Hiền

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026
 (Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ -HĐND ngày 16/12/2025 của UBND phường Long Hoa)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	3	4
	TỔNG THU NSNN	191,203	183,327
I	Thu nội địa	191,203	183,327
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	77,595	77,595
-	Thuế giá trị gia tăng	60,260	60,260
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	15,710	15,710
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa, DV trong nước	75	75
-	Thuế tài nguyên	1,550	1,550
2	Thuế thu nhập cá nhân	28,150	28,150
3	Lệ phí trước bạ	42,950	42,950
4	Thu phí, lệ phí	3,030	2,534
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2,848	2,848
6	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	20	16
7	Thu tiền sử dụng đất	30,000	24,000
8	Thu khác tại xã	6,380	5,004
a	Thu khác NS trung ương	1,376	
b	Thu khác còn lại	5,004	5,004
9	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	230	230
10	Thu tiền cấp giấy phép khai thác tài nguyên		
II	Các khoản thu đóng góp không hoàn lại		

Ghi chú:

- Doanh nghiệp khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là các doanh nghiệp thành lập theo Luật doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng, trừ các doanh nghiệp nhà nước do trung ương, địa phương quản lý, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên.



ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ -HĐND ngày 16/12/2025 của UBND phường Long Hoa)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
A	B	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	484,003
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	183,327
1	Thu NSDP hưởng 100%	79,132
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	104,195
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	300,676
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	261,845
2	Thu bổ sung có mục tiêu	38,831
III	Thu kết dư ngân sách	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
V	Thu chuyển giao giữa các cấp ngân sách	
VI	Nguồn tăng thu năm trước	
B	TỔNG CHI NSDP	484,003
B.1	Tổng chi cân đối NSDP	445,172
1	Chi đầu tư phát triển	29,515
2	Chi thường xuyên	404,528
3	Dự phòng ngân sách	11,129
B.2	Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách	
5	Chi ủy thác qua NHCSXH	
B.3	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	38,831
I	Chi đầu tư phát triển	38,831
II	Chi thường xuyên	
B.4	Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 19 /NQ -HĐND ngày 16/12/2025 của UBND phường Long Hoa)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	DỰ TOÁN 2026	
		Tỉnh giao	Xã giao
A	B	2	
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	484,003	484,003
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	445,172	445,172
I	Chi đầu tư phát triển	29,515	29,515
1	Chi từ nguồn cân đối ngân sách địa phương	5,515	5,515
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	24,000	24,000
II	Chi thường xuyên	404,528	404,528
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	279,272	279,272
2	Chi khoa học và công nghệ.		0
3	Chi quốc phòng	7,227	7,227
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	5,353	5,353
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	10,367	10,349
6	Chi sự nghiệp văn hoá, thông tin	2,820	3,467
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	1,285	519
8	Sự nghiệp thể dục thể thao	1,028	925
9	Chi bảo vệ môi trường (thu gom, xử lý rác thải; tuyên truyền)	1,000	900
10	Chi các hoạt động kinh tế	33,956	27,315
11	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	30,307	29,779
12	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	29,900	37,611
13	Chi khác ngân sách	2,013	1,812
III	Dự phòng ngân sách	11,129	11,129
IV	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	0	
B	CHI THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ	38,831	38,831
I	Chi đầu tư phát triển	38,831	38,831
1	Nguồn thu tiền sử dụng đất (Chi đầu tư giao thông)	9,000	9,000
2	Nguồn XSKT (Chi đầu tư thực hiện 02 Đề án Giáo dục)	29,831	29,831
II	Chi thường xuyên	0	
II.1	Nguồn ngân sách Trung ương	0	
a	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0	

STT	Nội dung	DỰ TOÁN 2026	
		Tỉnh giao	Xã giao
A	B	2	
1	Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững		
2	Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.		
3	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM.		
b	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông		
2	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm		
II.2	Nguồn ngân sách tỉnh	0	
1	Chi hỗ trợ mai táng phí		
2	Chi phụ cấp cộng tác viên công tác xã hội		
3	Chi phụ cấp cộng tác viên bảo vệ, chăm sóc trẻ em		
4	Kinh phí thực hiện các chính sách an sinh xã hội - hỗ trợ về giáo dục và đào tạo theo Nghị quyết số 45/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Tây Ninh		
5	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách NHĐKCT theo Nghị quyết số 78/2024/NQ-HĐND và NQ sửa đổi 78/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Tây Ninh		
6	Chế độ phụ cấp đối với áp, khu đội trưởng và dân quân theo Nghị quyết số 39/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Tây Ninh		
7	Kinh phí thực hiện kế hoạch Tết Nguyên đán năm 2025		
8	Chi kinh phí luân chuyển cán bộ 6 tháng đầu năm 2025		